

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/DS-ST
Ngày: 11-4-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trà Minh Châu.**

Bà **Trần Thúy Kiều.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thu Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Hồng Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Hộ kinh doanh đại lý T** - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Đại H**, sinh năm 1973 là Chủ hộ - Địa chỉ: Ấp T, xã Y, huyện U, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Mai C**, sinh năm 1997 - Địa chỉ ĐKTT: Ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Sóc Trăng – Địa chỉ liên hệ: Ấp K, xã L, huyện Q, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Lê Thanh N**, sinh năm 1963 - Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã G, huyện V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông **Văn Đình H1**, sinh năm 1989 - Địa chỉ: Ấp O, P, huyện Q, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hộ kinh doanh đại lý T do bà Đỗ Thị Mai C trình bày:**

Trước đây ngày 22/7/2018 Hộ kinh doanh đại lý T có thực hiện mua bán thuốc thủy sản với ông Lê Thanh N thông qua lời nói mà không lập thành văn bản với hình thức mua thuốc cuối vụ thanh toán đủ. Đến năm 2021 hai bên tiếp tục làm ăn mua bán lại với hình thức bán nợ cả thuốc và thức ăn thủy sản do có uy tín từ đợt trước nên chỉ thông qua lời nói mà không lập thành văn bản và vẫn thỏa thuận cuối vụ thu tóm thanh toán đủ. Bên cạnh đó Hộ kinh doanh đại lý T giao dịch thông qua các sổ giao nhận hàng mang tên "Chú N". Theo thỏa thuận, bắt đầu từ 10/06/2021 bên Hộ kinh doanh đại lý T bán nợ cả thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Lê Thanh N. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc ông Lê Thanh N hoặc người nhà của ông Lê Thanh N đến lấy hàng tại kho của Hộ kinh doanh đại lý T. Ông Lê Thanh N tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi Hộ kinh doanh đại lý T yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, theo hợp đồng ông Lê Thanh N phải thanh toán hết tiền hàng cho Hộ kinh doanh đại lý T. Trường hợp xét thấy công nợ cao, ông Lê Thanh N vẫn không thanh toán tiền hàng, Hộ kinh doanh đại lý T có quyền cắt hàng và đề nghị ông Lê Thanh N thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho Hộ kinh doanh đại lý T. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt giao dịch. Trong quá trình thực hiện giao dịch, Hộ kinh doanh đại lý T đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông Lê Thanh N. Sau khi nhận hàng ông Lê Thanh N không hề phàn nàn hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà Hộ kinh doanh đại lý T đã giao. Mặc dù Hộ kinh doanh đại lý T thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng ông Lê Thanh N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: đến cuối vụ tôm ông Lê Thanh N không thanh toán hết tiền hàng cho Hộ kinh doanh đại lý T nhiều lần.

Đến ngày 08/12/2022 công nợ đã lên đến 590.791.000 (Năm trăm chín mươi triệu bảy trăm chín mươi một nghìn) đồng thì phía ông Lê Thanh N chỉ hứa hẹn thu tóm vụ sau trúng trả nhưng không trả thêm lần nào nữa.

Mặc dù Hộ kinh doanh đại lý T đã nhiều lần nhờ nhân viên đến yêu cầu ông Lê Thanh N trả tiền hàng còn nợ cho Hộ kinh doanh đại lý T nhưng đến nay ông Lê Thanh N vẫn hứa hẹn nhưng không thanh toán. Hành vi cố tình không trả nợ của ông Lê Thanh N đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Hộ kinh doanh đại lý T.

Nay Hộ kinh doanh đại lý T khởi kiện buộc ông Lê Thanh N trả cho Hộ kinh doanh đại lý T số tiền nợ gốc là 590.791.000 (Năm trăm chín mươi triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn) đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm/590.791.000 đồng tính từ ngày 30/12/2022 đến ngày 30/8/2023 (Gồm 08 tháng) là: 39.386.000 đồng (Ba mươi chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng) và tiếp tục tính lãi từ ngày Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết nợ cho Hộ kinh doanh đại lý T.

Hộ kinh doanh đại lý T yêu cầu ông Lê Thanh N có trách nhiệm chỉ trả cho Hộ kinh doanh đại lý T số tiền tính đến ngày 30/8/2023 là 630.177.000 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) và phải thanh toán số tiền trên cho Hộ kinh doanh đại lý T một lần ngay khi Bản án Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện Hộ kinh doanh đại lý T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Giấy ủy quyền giữa Hộ kinh doanh đại lý T do ông Trần Đại H làm chủ hộ với bà Đỗ Thị Mai C lập ngày 17/10/2023 được chứng thực;

+ Căn cước công dân tên Đỗ Thị Mai C (bản photo);

+ Bảng đối chiếu xác nhận công nợ đến ngày 30/12/2022 giữa đại diện hộ Kinh doanh là Trần Đại H với khách hàng Lê Thanh N được đánh máy, viết tay bằng mực màu xanh phía trên góc bên phải có đóng dấu của Đại lý Trường Hải có nội dung xác định số dư 590.791.000 đồng.

+ 03 Quyển sổ loại khổ khoảng A5 trên bìa ngoài có những hình ảnh khác nhau nhưng cùng ghi bằng mực màu xanh với nội dung “287 Chú N (Tuyên)” kèm số “1”, “2” và “3” được khoanh tròn. Nội dung bên trong là các chữ viết, chữ số được viết bằng mực màu xanh, đỏ và viết chì.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Thanh N trình bày:**

Ông Lê Thanh N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh đại lý T. Bởi vì, ông Lê Thanh N không biết ông Trần Đại H là ai. Ông Lê Thanh N chỉ biết ông Lê Thanh N mua thuốc với thức ăn của ông H1 và ông H1 là nhân viên bán hàng của ông Trần Đại H, ông Lê Thanh N chưa làm việc trực tiếp với ông Trần Đại H lần nào. Từ năm 2018 đến tháng 11 năm 2022 thì ông Lê Thanh N không mua thức ăn của ông H1. Ông Lê Thanh N chỉ biết mọi người hay gọi là H1 Việt H2 hay kỹ sư H1 còn số điện thoại liên lạc thì ông Lê Thanh N không nhớ. Ông Lê Thanh N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H. Về bảng đối chiếu công nợ ngày 30/12/2022 ông Lê Thanh N thừa nhận là chữ ký của ông Lê Thanh N ký nhưng số tiền 590.791.000 đồng là không đúng sự thật. Khi ông Lê Thanh N ký số tiền ghi là 90.791.000 đồng. Ông Lê Thanh N không có tranh chấp gì về việc cung cấp thức ăn, sản lượng, chất lượng hàng hóa cũng như giá thành. Về công nợ thì những công nợ trước ông Lê Thanh N cũng ký và đã trả đủ, còn công nợ ngày 30/12/2022 là 90.791.000 đồng thì ông Lê Thanh N đã ký nhưng ông Lê Thanh N chưa trả vì ông Lê Thanh N chưa có tiền.

Bên cạnh đó vào ngày 24/9/2022, nhân viên Hòa có thông tin cho ông Lê Thanh N có trừ số tiền nợ là 300.000.000 đồng để cắt phần nợ. Do đó ông Lê Thanh N không có nợ số tiền 590.791.000 đồng.

Tòa án đã ban hành thông báo số 53/TB-TA ngày 01/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú về việc yêu cầu: 1. Cung cấp tài liệu, chứng cứ về thông tin chi tiết đầy đủ họ và tên của nhân viên tên H1, kỹ sư H1 (H1 Việt H2); 2. Cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc đã đủ tiền và chỉ còn công nợ ngày 30/12/2022 là

90.791.000 đồng; 3. Theo nội dung ông Lê Thanh N đã trình bày trong văn bản trình bày ý kiến “tại thời điểm xác nhận công nợ số tiền còn thiếu chỉ là 90.791.000 đồng”. Như vậy ông có yêu cầu tiến hành thủ tục giám định chữ viết, chữ ký hay không? Trong trường hợp có yêu cầu giám định đề nghị ông Lê Thanh N liên hệ Tòa án để được hướng dẫn.

Tuy nhiên bị đơn ông Lê Thanh N không cung cấp được tài liệu chứng cứ cũng như không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Bởi vì chữ ký chữ viết dưới mục tên Lê Thanh N là của ông Lê Thanh N. Còn lại do bên Công ty đem đến.

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp:

- + Căn cước công dân tên Lê Thanh N (bản đối chiếu);
- + Văn bản trình bày ý kiến do ông Lê Thanh N lập ngày 07/12/2023;

*** Tại phiên tòa hôm nay,**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn chỉ yêu cầu khởi kiện ông Lê Thanh N trả số tiền nợ gốc là 590.791.000 đồng và không yêu cầu tính lãi của số tiền trên. Đại diện của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu được chiết khấu cho ông Lê Thanh N do không thuộc trường hợp được chiết khấu vì số nợ cuối kỳ phải được thanh toán dứt mới được chiết khấu. Còn trường hợp của ông Lê Thanh N không trả dứt nợ vào cuối kỳ như thỏa thuận mà còn tranh chấp dẫn đến khởi kiện.

- Bị đơn ông Lê Thanh N thừa nhận còn nợ số tiền 590.791.000 đồng theo đối chiếu công nợ ngày 30/12/2022 là đúng. Tuy nhiên ông Lê Thanh N yêu cầu được tính chiết khấu số tiền trên. Hiện nay ông Lê Thanh N đang gặp khó khăn và không có khả năng trả nợ.

- Người làm chứng ông Văn Đình H1 cung cấp thông tin: Trước đây ông Văn Đình H1 là nhân viên của Hộ kinh doanh đại lý T và hiện nay đã nghỉ làm. Vào ngày 25/10/2022, khi bàn giao công việc số tiền đối chiếu phần nợ của ông Lê Thanh N do ông Văn Đình H1 theo dõi lúc đó là 522.791.000 đồng. Sau đó ông Lê Thanh N có mua thêm thì ông Văn Đình H1 không được nắm. Số tiền trên nếu ông Lê Thanh N trả đủ một lần thì sẽ được đối chiếu giảm tiền trả giống như chiết khấu giá trị. Nhưng trong trường hợp của ông Lê Thanh N chưa trả bị khởi kiện nên không thuộc trường hợp được chiết khấu.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, 157, 163 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Lê Thanh N có trách nhiệm trả cho ông Trần Đại H – Chủ Hộ kinh doanh đại lý T số tiền 590.791.000 đồng. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Hộ kinh doanh đại lý T khởi kiện ông Lê Thanh N nhà đối với số tiền nợ gốc là 590.791.000 (Năm trăm chín mươi triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn) đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm/590.791.000 đồng tính từ ngày 30/12/2022 đến ngày 30/08/2023 (Gồm 08 tháng) là: 39.386.000 (Ba mươi chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn) đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết nợ cho Hộ kinh doanh đại lý T. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Thanh N có địa chỉ: Ấp D, xã G, huyện V, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét về thay đổi yêu cầu khởi kiện do người đại diện theo ủy quyền của Hộ kinh doanh đại lý T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy tại văn bản ủy quyền ngày 17/10/2023 bà Đỗ Thị Mai C được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án và việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn Hộ kinh doanh đại lý T cung cấp đối chiếu công nợ của ông Lê Thanh N có nợ 590.791.000 đồng theo biên nhận ngày 30/12/2022.

[2.2] Bị đơn ông Lê Thanh N xác định tại phiên tòa còn nợ số tiền 590.791.000 đồng theo biên nhận ngày 30/12/2022 của Hộ kinh doanh đại lý T do ông Trần Đại H làm chủ hộ và không phản đối những tài liệu, chứng cứ nêu trên. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Bị đơn ông Lê Thanh N còn nợ của nguyên đơn Hộ kinh doanh đại lý T do ông Trần Đại H làm chủ hộ số tiền 590.791.000đ

theo nội dung “Bảng đối chiếu xác nhận công nợ” ngày 30/12/2022 mà các bên đã ký.

[2.3] Xét về ý kiến của ông Lê Thanh N muốn được nguyên đơn chiết khấu số tiền nợ trên. Người làm chứng ông Văn Đình H1 xác định ông Lê Thanh N không thuộc trường hợp được chiết khấu bởi vì ông Lê Thanh N không thanh toán đúng thời gian theo quy định và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không đồng ý với nội dung này. Bên cạnh đó, ông Lê Thanh N không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho nội dung đưa ra nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét vấn đề này.

[2.4] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh đại lý T kiện ông Lê Thanh N. Do các bên không thỏa thuận được thời gian thanh toán nên Hội đồng xét xử cần tuyên buộc ông Lê Thanh N có nghĩa vụ trả lại cho Hộ kinh doanh đại lý T do ông Trần Đại H làm chủ hộ số tiền còn nợ là 590.791.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh đại lý T buộc ông Lê Thanh N được chấp nhận nên không phải chịu án phí và ông Lê Thanh N phải chịu án phí theo quy định. Nhưng ông Lê Thanh N thuộc trường hợp được miễn án phí và có yêu cầu miễn án phí.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh đại lý T do ông Trần Đại H làm chủ hộ.

1/ Buộc ông Lê Thanh N có nghĩa vụ thanh toán cho Hộ kinh doanh đại lý T do ông Trần Đại H làm chủ hộ là: 590.791.000 (Năm trăm chín mươi triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn) đồng.

2/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người

được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hộ kinh doanh đại lý T do ông Trần Đại H làm chủ hộ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Hộ kinh doanh đại lý T do ông Trần Đại H làm chủ hộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.603.540 (Mười bốn triệu sáu trăm lẻ ba nghìn năm trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000607 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú.

- Ông Lê Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng thuộc trường hợp là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện LP;
- Chi cục THADS huyện LP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thái Ngọc